

Nhóm 10

Vũ Minh Phong \*\*\*\*\*

Lê Đức Hải \*\*\*\*\*

Trần Duy Bim \*\*\*\*\*

Cao Thị Thảo \*\*\*\*\*

Nguyễn Thị Tuyết Mai \*\*\*\*\*

### III. Các đặc tả yêu cầu chức năng

#### 1. Bảng tác nhân và mục đích

Actor	Actor's Goal	Use Case Name
Visitor/User	Để đăng nhập vào cổng web/ứng dụng để quản lý đơn hàng, xem số liệu v.v.	Login (UC-1)
Visitor/User	Đăng ký vào hệ thống/ứng dụng qua cổng thông tin điện tử	Register (UC-2)
Visitor/User	Để xem dữ liệu đơn hàng lịch sử để phân tích	Historical Data Presentation (UC-3)
Visitor/User	Lưu trữ dữ liệu về sản phẩm và tài chính, giúp quản lý và phân tích dữ liệu .	Data Storage (UC-4)
Visitor/User	Để giao tiếp với nhân viên, với nhóm hỗ trợ/quản trị viên hệ thống	Communicate (UC-5)
Visitor/User	Mua hàng	Buy (UC-6)
Staff	Quản lý các đơn hàng khách đặt	Manage customer orders (UC-7)

Staff	Lên đơn và chuyển dữ liệu cho bộ phận giao hàng	Make an order and transfer data to the delivery department (UC-8)
Staff	Quản lý hàng tồn kho	Inventory management (UC-9)
Staff	Thống kê dữ liệu, báo cáo	Data statistics, reports (UC-10)
Staff	Hỗ trợ khách hàng	Customer support (UC-11)
Staff	Quản lý chương trình khách hàng thân thiết	Loyalty program management (UC-12)
Supplier	Lên đơn hàng cần cung cấp	Statistics of orders to be provided (UC-13)
System Admin	Để giải quyết các sự cố mà người dùng, nhân viên có thể gặp phải khi người dùng thực hiện bất kỳ thao tác nào hoặc có bất kỳ sự cố nào khác	Communication (UC-14)
Database/Repository	Để lưu trữ thông tin người dùng, nhân viên, dữ liệu, đề xuất, dữ liệu lịch sử, số liệu thống kê, quản lý, giải quyết sự cố, ...	UC1, UC2, UC3, UC4, UC5, UC6, UC7, UC8, UC9, UC10, UC11, UC12, UC13, UC14.

## 2. Miêu tả các use-cases

### 2.1. Các miêu tả use - cases

#### - UC1: Login

Người dùng có thể vào công/ứng dụng bằng cách nhập thông tin đăng nhập của mình được sử dụng để đăng ký. Sau đó, anh ấy có thể thực hiện nhiều thao tác khác nhau, chẳng hạn như mua hàng, xem lịch sử mua,...

- UC2: Register

Người dùng có thể đăng ký. Sau đó, anh ấy hoặc cô ấy có thể bắt đầu với dịch vụ do chúng tôi cung cấp. Sau khi người dùng đăng ký xong, họ có thể đăng nhập vào toàn bộ hệ thống và thực hiện tất cả các thao tác được liệt kê trong UC#1. Ngoài ra, anh ấy có thể hủy đăng ký khỏi hệ thống của chúng tôi và dữ liệu của anh ấy sẽ bị xóa.

- UC3: Historical Data Presentation

Người dùng có thể xem lại dữ liệu lịch sử của mình.

- UC4: Data Storage

Người dùng có thể lưu trữ dữ liệu về sản phẩm và tài chính, giúp quản lý và phân tích dữ liệu .

- UC5: Communicate

Người dùng có thể giao tiếp với nhân viên, với nhóm hỗ trợ/quản trị viên hệ thống

- UC6: Buy

Người dùng bắt đầu tìm kiếm và mua hàng

- UC7: Manage customer orders

Nhân viên có thể quản lý các đơn đặt hàng của khách hàng

- UC8: Make an order and transfer data to the delivery department

Nhân viên lên đơn và chuyển dữ liệu cho bộ phận giao hàng

- UC9: Inventory management

- Cập nhật số lượng sản phẩm trong kho khi có đơn hàng mới.
- Kiểm tra tồn kho và thông báo khi sản phẩm sắp hết hoặc hết hàng.
- Thêm/sửa/xóa kho hàng.

- UC10: Data statistics, reports

- Thống kê doanh thu, số lượng sản phẩm bán ra, số lần giao dịch, ...
- Tạo báo cáo theo từng khoảng thời gian để giúp quản lý có cái nhìn tổng quan về tình hình kinh doanh của siêu thị.
- Tích hợp tính năng xuất file báo cáo dưới dạng Excel hoặc PDF

- UC11: Customer support

Nhân viên có thể hỗ trợ khách hàng qua khung chat online

- UC12: Loyalty program management

- Thêm/sửa/xóa chương trình khách hàng thân thiết.
- Tính điểm thưởng cho khách hàng mỗi khi mua hàng.
- Cho phép khách hàng đổi điểm thưởng lấy các ưu đãi

- UC13: Statistics of orders to be provided

Dựa vào dữ liệu nhà hàng cung cấp (file excel,..) tiến hành lên đơn và giao cho siêu thị

- UC14: Communication

Hệ thống của chúng tôi có thể cung cấp một diễn đàn để cho phép người dùng giao tiếp với nhau và cung cấp cho chúng tôi, nhóm phát triển, phản hồi và báo cáo lỗi.

## 2.2. Lược đồ use – cases



